

Bản án số: 185/2018/HS-ST
Ngày: 05-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Thuận – Giáo viên trường THPT Trần Văn Ôn

Ông Nguyễn Đức Nhuận – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Công Tứ, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 143/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

Ph V M, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Không; chỗ ở hiện nay: Số 18A/22, Khu phố Th, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: L V B, sinh năm 1963 và bà Ph Th Ch, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08 tháng 5 năm 2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo đang chấp hành án theo Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2018/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Th G B, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Th Th L (đã chết) và bà Ng Th Th T (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; Ngày 08 tháng 5 năm 2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo đang chấp hành án theo Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2018/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị hại*: Đ D Tr, sinh năm 1992; địa chỉ: Xã H, huyện Nhơn Thạch, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Ph V M*: Bà Ph Th Ch, sinh năm 1977; thường trú: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: Số 06/2, Tổ 5, khu phố B, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người bào chữa*: Ông Ng Tr T – Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Dương bào chữa cho bị cáo Ph V M, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bà Ng Th L - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Dân Ý thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương là người bào chữa chỉ định cho bị cáo Ph V M, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 06 tháng 9 năm 2017, Ph V M gọi điện cho Th G B rủ đi trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài thì B đồng ý. Sau đó, B điều khiển xe mô tô kiểu dáng Blade (không rõ biển số) mượn của một người bạn ngoài xã hội (không rõ nhân thân, địa chỉ) đến phòng trọ của M thuộc phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương để đón M. B điều khiển xe chở M ngồi ở phía sau, chạy lòng vòng khu vực phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương để tìm kiếm tài sản. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Th G B, Ph V M phát hiện xe mô tô Biển số 36B3-653.51 của Đ D Tr dựng trước tiệm Internet thuộc địa chỉ số 9/C7, Khu phố 3, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương không người trông coi nên B dừng xe lại. B đứng ngoài canh gác, còn M đi bộ vào dùng đoạn bẻ ổ khóa xe mô tô, nổ máy tẩu thoát cùng B. M điều khiển xe mô tô Biển số 36B3-653.51 về phòng trọ của M cất giữ. Đến chiều cùng ngày, M liên lạc với một đối tượng tên Nam (không rõ nhân thân, địa chỉ) để bán chiếc xe mô tô Biển số 36B3-653.51 với giá 5.500.000 đồng, M chia cho B 2.500.000 đồng, số tiền còn lại M giữ lại. Sau đó, M và B tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, B và M tiếp tục chạy lòng vòng tại khu vực Dĩ An để tìm kiếm tài sản lấy trộm thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An tiến hành kiểm tra hành chính, thu giữ trong người M và B 01 đoạn kim loại dùng để bẻ khóa xe mô tô. Quá trình điều tra, M và B khai nhận thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương, trong đó có vụ trộm cắp chiếc xe mô tô Biển số 36B3-653.51 xảy ra ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Thuận An kết luận: Chiếc xe mô tô Biển số 36B3-653.51 có trị giá 13.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 155/CV-VKS-TA ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo Ph V M, Th G B về tội “Trộm

cấp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Bị cáo Ph V M, Th G B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo Ph V M mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Th G B mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Theo bài luận cứ của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Ph V M, ông Ng Tr T trình bày: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với Ph V M. Tuy nhiên, quá trình điều tra bị cáo M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có lý lịch rõ ràng, chưa tiền án, tiền sự; gia đình cha mẹ là những người làm ăn lương thiện; bản thân M từ nhỏ thiếu sự chăm sóc của cha mẹ; có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị hại thiếu cảnh giác, chủ quan quản lý tài sản là nguyên nhân khách quan dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; M thực hiện tội phạm khi chưa đủ 18 tuổi; tự thú về hành vi phạm tội trước đó giúp cơ quan điều tra tìm ra và khởi tố các bị cáo khác có liên quan nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo M mức án là 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Ph V M là bà Ng Th L trình bày: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với Ph V M. Tuy nhiên, quá trình điều tra bị cáo M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân M từ nhỏ thiếu sự chăm sóc của cha mẹ; có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; thực hiện tội phạm khi chưa đủ 18 tuổi; tự thú về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo M mức án thấp nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến

hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên toà, bị cáo Ph V M, Th G B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại phiên toà và tại cơ quan điều tra đều thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại tiệm Internet thuộc địa chỉ số 9/C7, Khu phố 3, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Ph V M, Th G B có hành vi lén lút lấy trộm một xe mô tô Biển số 36B3-653.51 của ông Đ D Tr. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại có trị giá 13.000.000 đồng đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt đối với các bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, có tiền tiêu xài, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ, hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, lỗi của các bị cáo là cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tội phạm và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc phân công chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong vụ án, bị cáo M là người khởi xướng, rủ rê bị cáo B thực hiện tội phạm, chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp thực hiện tội phạm nên hành vi của bị cáo có tính nguy hiểm cao nên cần phải xử phạt nghiêm khắc. Bị cáo B là đồng phạm với vai trò là người cảnh giới giúp sức tích cực cho bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo cũng phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú về hành vi phạm tội của mình; bị cáo M có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo B có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ mất sớm nên thiếu sự chăm sóc, giáo dục của cha mẹ. Do đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo.

Khi phạm tội, bị cáo M chưa thành niên nên áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0944/ĐT/2017 ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận: Độ

tuổi của Th G B là 18 tuổi 06 tháng (+/-06 tháng) kể từ ngày giám định 17 tháng 11 năm 2017, do đó cũng áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 08 tháng 5 năm 2018, Ph V M, Th G B bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2018/HS-ST.

[6] Về việc áp dụng pháp luật: Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 có khung hình phạt từ sáu tháng đến ba năm tù là bằng với khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội để xét xử các bị cáo cũng không làm xấu hơn tình trạng của các bị cáo.

[7] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Ph V M là bà Ng Th L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Ph V M là ông Ng Tr T về mức hình phạt là chưa phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2018/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo Ph V M 01 năm 08 tháng tù; bị cáo Th G B 01 năm 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, án đã có hiệu lực pháp luật. Do xét xử các bị cáo về tội đã phạm trước khi có bản án này nên cần tổng hợp hình phạt theo khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là đúng quy định.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại ông Đ D Tr không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Biển số 36B3-653.51 là tài sản các bị cáo chiếm đoạt thuộc quyền sở hữu của ông Đ D Tr, nhưng sau đó đã bán cho đối tượng tên Nam (không rõ nhân thân, địa chỉ) đến nay chưa thu hồi được nên khi nào Cơ quan Cảnh sát điều tra xác minh được sẽ xử lý sau

Đối với 01 điện thoại di động Nokia RM1187 sim số 0989.325.173; 01 điện thoại Nokia 1650 sim số 01633.367.809; 01 đoạn kim loại hình chữ T là công cụ M và B sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, nhưng đã được xử lý trong Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2018/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng nhãn hiệu Blade (không rõ biển số), là phương tiện B và M sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa B và M khai xe mượn của một người bạn ngoài xã hội (không rõ nhân thân, địa chỉ) nên khi nào Cơ quan Cảnh sát điều tra xác minh được sẽ xử lý sau.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Ph V M, Th G B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ph V M 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2018/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An.

Buộc bị cáo Ph V M phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 10 năm 2017.

Xử phạt bị cáo Th G B 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2018/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An.

Buộc bị cáo Th G B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 10 năm 2017.

2. Về án phí: Bị cáo Ph V M, Th G B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THA thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại giam Long Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

Phạm Thị Bạch Tuyết